

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 15-6-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-
VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 486/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐ-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng liên doanh N

Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 01 , phường T, Quận TH, Thành phố N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Minh T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng liên doanh N- chi nhánh V.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lưu Hồng D- Phó Giám đốc Phòng giao dịch H - Ngân hàng liên doanh N chi nhánh V.

Địa chỉ: số N đường Nguyễn Thái H, phường P, thành phố V, tỉnh B

Bị đơn: Ông Nguyễn Huy L, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: Làng Thương N, xã Nhân N1, huyện L, tỉnh H;

Địa chỉ tạm trú: số M đường B, phường N2, thành phố V, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng liên doanh N trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2019, Ngân hàng liên doanh N và ông Nguyễn Huy L có ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

- Ngày 12-8-2015, Ngân hàng liên doanh N và ông L đã ký kết Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 001/HDTC.THD, theo đó Ngân hàng cho ông L vay số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 7,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ngày 12-8-2016, Ngân hàng liên doanh N đã gia hạn mức thấu chi cho ông L với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo văn bản sửa đổi bổ sung số 001/HDTC. THD.BS01 ngày 12-8-2016, thời hạn đến hạn mức thấu chi 12-8-2019. Ngày 12-8-2019, Ngân hàng liên doanh N tiếp tục gia hạn mức thấu chi cho ông L với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo văn bản sửa đổi bổ sung số 001/HDTC. THD.BS02 ngày 12-8-2019, thời hạn đến hạn mức thấu chi 12-8-2020. Ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 12-8-2020, Ngân hàng tính lãi suất quá hạn đối với ông L kể từ ngày 12-8-2020. Tính đến ngày 15-6-2021, ông Nguyễn Huy L còn nợ Ngân hàng số tiền là 223.454.456 đồng trong đó nợ gốc là 202.424.492 đồng, lãi trong hạn là 532.404 đồng, lãi quá hạn là 20.497.560 đồng.

- Ngày 29-10-2019, Ngân hàng liên doanh N đã giải ngân cho ông Nguyễn Huy L vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 29102019HDDCNV004. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 8,6%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất lãi chậm trả là 10%/năm. Tính đến ngày 01-7-2020, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 26.372.000 đồng. Kể từ sau ngày 01-7-2020, ông L không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ một khoản nào khác. Ngân hàng tính lãi suất nợ quá hạn đối với ông L kể từ sau ngày 01-7-2020. Tính đến ngày 15-6-2021, ông Nguyễn Huy L còn nợ Ngân hàng số tiền là 188.571.893 đồng trong đó nợ gốc là 173.628.000 đồng, lãi trong hạn là 12.237.286 đồng, lãi quá hạn là 2.134.538 đồng, lãi phạt là 572.069 đồng

Tổng cộng nợ gốc, lãi tính đến ngày 15-6-2021 của 02 khoản vay nói trên là: 412.026.349 đồng (Bốn trăm mười hai triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là: 376.052.492 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm năm mươi hai ngàn, bốn trăm chín mươi hai đồng); tiền lãi là: 35.973.857 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi bảy đồng) bao gồm lãi trong hạn 12.769.698 đồng, lãi quá hạn 22.632.098 đồng và lãi phạt chậm trả là 572.069 đồng

Ngân hàng liên doanh N yêu cầu ông Nguyễn Huy L thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ của 02 hợp đồng nêu trên tính đến ngày 15-6-2021 là số tiền 412.026.349 đồng (Bốn trăm mười hai triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là: 376.052.492 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm năm mươi hai ngàn, bốn trăm chín mươi hai đồng); tiền lãi là: 35.973.857 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi bảy đồng) bao gồm lãi trong hạn 12.769.698 đồng, lãi quá hạn 22.632.098 đồng, lãi phạt chậm trả là 572.069 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng

nêu trên kể từ ngày 16-6-2021 cho đến khi ông L thanh toán hết số tiền nợ.

Đối với bị đơn, ông Nguyễn Huy L: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố V đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và tiến hành các thủ tục tổng đạt đối với bị đơn ông Nguyễn Huy L theo đúng quy định nhưng ông L vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông L là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng liên doanh N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Huy L trả nợ theo hợp đồng đã giao kết. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Huy L có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại thời điểm ký kết hợp đồng, ông L cung cấp địa chỉ tạm trú tại số M đường B, phường N2, thành phố V, tỉnh B. Sau đó, ông L thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện nghĩa vụ nhưng không thông báo cho nguyên đơn là vi phạm khoản 3, Điều 40, điểm b, khoản 2, Điều 277 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn cố tình dấu địa chỉ theo hướng dẫn tại điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại địa chỉ bị đơn cung cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng để xét xử vắng mặt bị đơn theo Khoản 2, Điều 277 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 12-8-2015, Ngân hàng liên doanh N và ông Nguyễn Huy L đã ký kết Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 001/HBTC.THD, theo đó Ngân hàng cho ông L vay số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12

tháng, lãi suất trong hạn là 7,5%/năm đến ngày 12-8-2019 lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 8%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ngày 12-8-2016, Ngân hàng Liên doanh N đã gia hạn mức thấu chi cho ông L với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo văn bản sửa đổi bổ sung số 001/HDTC. THD.BS01 ngày 12-8-2016. Ngày 12-8-2019, Ngân hàng N tiếp tục gia hạn mức thấu chi cho ông L với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo văn bản sửa đổi bổ sung số 001/HDTC. THD.BS02 ngày 12-8-2019.

Ngày 29-10-2019, Ngân hàng Liên doanh N và ông Nguyễn Huy L ký kết Hợp đồng tín dụng số 29102019HDDCNV004 với số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 8,6%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn, lãi suất lãi chậm trả là 10%/năm.

Xét thấy, việc hai bên ký kết các hợp đồng tín dụng như trên là có thật, ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên và các bên có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng liên doanh N đã tiến hành giải ngân đầy đủ cho ông L. Tuy nhiên, việc ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán hai bên đã thỏa thuận, mặc dù phía Ngân hàng liên doanh N đã nhiều lần nhắc nhở ông L thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ vào các điều khoản các bên đã ký kết, căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng liên doanh N đối với ông Nguyễn Huy L, buộc ông L phải thanh toán cho Ngân hàng liên doanh N tính đến ngày 15-06-2021 (ngày xét xử sơ thẩm) của 02 khoản vay nói trên là: 412.026.349 đồng (Bốn trăm mười hai triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là: 376.052.492 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm năm mươi hai ngàn, bốn trăm chín mươi hai đồng); tiền lãi là: 35.973.857 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi bảy đồng) bao gồm lãi trong hạn 12.769.698 đồng, lãi quá hạn 22.632.098 đồng, lãi phạt chậm trả là 572.069 đồng và ông L còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chưa thanh toán từ ngày 16-6-2021 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

[3.] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng liên doanh N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với ông Nguyễn Huy L.

2. Buộc ông Nguyễn Huy L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng liên doanh N tính đến ngày 15-6-2021 là 412.026.349 đồng (Bốn trăm mười hai triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là: 376.052.492 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm năm mươi hai ngàn, bốn trăm chín mươi hai đồng); tiền lãi là: 35.973.857 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi bảy đồng) bao gồm lãi trong hạn 12.769.698 đồng, lãi quá hạn 22.632.098 đồng, lãi phạt chậm trả là 572.069 đồng theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 001/HDTC. THD ngày 12-8-2015, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 001/HDTC. THD.BS01 ngày 12-8-2016, số 001/HDTC. THD.BS02 ngày 12-8-2019 và Hợp đồng tín dụng số 29102019HDDCNV004 ngày 29-10-2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16-6-2021) cho đến khi trả hết nợ, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 001/HDTC. THD ngày 12-8-2015, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 001/HDTC. THD.BS01 ngày 12-8-2016, số 001/HDTC. THD.BS02 ngày 12-8-2019 và Hợp đồng tín dụng số 29102019HDDCNV004 ngày 29-10-2019.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Huy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.481.054 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm tám mươi một ngàn, không trăm năm mươi bốn đồng).

Ngân hàng liên doanh N không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 9.700.000 đồng (*Chín triệu bảy trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0007426 ngày 04-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B

xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngát

Các Hội thẩm Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**Nguyễn Văn Hải****Hà Văn Trường****Bùi Thị Ngát**